**Câu 41.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết những tỉnh/thành nào sau đây có mật độ dân số từ 1001-2000 người/km2?

 **A.** Quảng Nam, Kon Tum. **B.** Bạc Liêu, Cà Mau.

 **C.** Ninh Bình, Thanh Hóa. **D.** Hải Dương, Hải Phòng.

**Câu 42.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết loại đất nào sau đây chiếm diện tích lớn nhất?

 **A.** Đất feralit trên đá badan. **B.** Đất phù sa sông.

 **C.** Đất khác và núi đá. **D.** Đất feralit trên các loại đá khác.

**Câu 43.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây **không** thuộc hệ thống sông Hồng?

 **A.** Sông Đà. **B.** Sông Cầu. **C.** Sông Lô. **D.** Sông Chảy.

**Câu 44.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết những địa điểm nào sau đây có lượng mưa lớn nhất vào tháng 10?

 **A.** Lạng Sơn, Hà Nội. **B.** Đồng Hới, Đà Nẵng.

 **C.** Thanh Hóa, Nha Trang. **D.** Đà Lạt, Cần Thơ.

**Câu 45.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết vườn quốc gia Ba Bể thuộc phân khu địa lí động vật nào sau đây?

 **A.** Đông Bắc. **B.** Nam Trung Bộ. **C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Tây Bắc.

**Câu 46.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết đỉnh núi nào sau đây cao nhất ?

 **A.** Vọng Phu. **B.** Ngọc Krinh. **C.** Nam Decbri. **D.** Lang bian.

**Câu 47.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết nước nào sau đây tiếp giáp với vùng biển nước ta?

 **A.** Mianma. **B.** Xingapo. **C.** Lào. **D.** Đông Timo.

**Câu 48.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích nhỏ nhất?

 **A.** Nghệ An. **B.** Gia Lai. **C.** Bắc Ninh. **D.** Quảng Ninh.

**Câu 49.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 16, cho biết những dân tộc nào sau đây thuộc ngữ hệ Nam Đảo?

 **A.** Kinh, Mường, Thổ. **B.** Gia-rai, Ê-đê, Chăm.

 **C.** La Chí, La Ha, Cơ Lao. **D.** Hmông, Dao, Pà Thẻn.

**Câu 50.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết lát cắt A-B **không** đi qua

 **A.** núi Phia Boóc. **B.** sơn nguyên Đồng Văn.

 **C.** cửa Thái Bình. **D.** cánh cung Đông Triều.

**Câu 51.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết vùng nào sau đây có thềm lục địa hẹp nhất và tiếp giáp với vùng biển nước sâu?

 **A.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **B.** Bắc Trung Bộ.

 **C.** Đông Nam Bộ. **D.** Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 52.** Dân số nước ta hiện nay có xu hướng

 **A.** chuyển về khu vực nông thôn. **B.** biến đổi nhanh về cơ cấu nhóm tuổi.

 **C.** tăng nhanh, cơ cấu dân số trẻ. **D.** tăng số lượng thành phần dân tộc.

**Câu 53.** Địa hình ven biển nước ta **không** có

 **A.** tam giác châu. **B.** cồn cát, đầm phá.

 **C.** thung lũng sông lớn. **D.** rạn san hô.

**Câu 54.** Cấu trúc địa hình nước ta có đặc điểm

 **A.** hướng vòng cung ở vùng núi Tây Bắc. **B.** già trẻ lại và có tính phân bậc rõ rệt.

 **C.** hình thành địa hình cactơ ở vùng đá vôi. **D.** thấp dần từ Bắc xuống Nam.

**Câu 55.** Hệ thống đảo của nước ta

 **A.** là nơi tập trung nhiều loại khoáng sản. **B.** gồm nhiều đảo, chủ yếu nằm ven bờ.

 **C.** hầu hết đều là các đảo lớn, đông dân. **D.** duy nhất phát triển hoạt động du lịch.

**Câu 56.** Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng ở nước ta là

 **A.** rừng gió mùa nửa rụng lá. **B.** rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

 **C.** rừng thưa khô rụng lá. **D.** rừng gió mùa thường xanh.

**Câu 57.** Biện pháp chủ yếu bảo vệ rừng phòng hộ ở nước ta là

 **A.** trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc. **B.** phát triển du lịch sinh thái.

 **C.** duy trì chất lượng đất rừng. **D.** xây dựng các vườn quốc gia.

**Câu 58.** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm xuất hiện đất mùn thô ở đai ôn đới gió mùa trên núi nước ta?

 **A.** Sinh vật nhiều. **B.** Độ ẩm tăng. **C.** Nhiệt độ thấp. **D.** Địa hình dốc.

**Câu 59.** Vùng nào sau đây ở nước ta có bão hoạt động với tần suất nhiều nhất?

 **A.** Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Đông Nam Bộ.

 **C.** Đồng bằng sông Hồng. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 60.** Khí hậu nhiệt đới ở nước ta có biểu hiện

 **A.** đầu mùa đông lạnh khô. **B.** độ ẩm không khí trên 80%.

 **C.** lượng mưa lớn. **D.** nhiệt độ trung bình năm trên 200C.

**Câu 61.** Ở lưu vực sông suối miền núi nước ta thường xảy ra lũ quét là do

 **A.** địa hình chia cắt, độ dốc lớn, mất lớp phủ thực vật.

 **B.** mưa lớn, địa hình dốc, sông ngòi dày đặc.

 **C.** mưa theo mùa, địa hình cao, độ dốc lớn.

 **D.** nhiệt ẩm cao, sông nhiều nước, xâm thực mạnh.

**Câu 62.** Nét nổi bật trongcấu trúc địa hình vùng núi Trường Sơn Bắc nước ta là

 **A.** ở trung tâm là vùng đồi núi thấp. **B.** gồm các dãy núi chạy song song và so le nhau.

 **C.** gồm các khối núi cổ và cao nguyên badan. **D.** ở giữa là các dãy núi, sơn nguyên đá vôi.

**Câu 63.** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SỐ DÂN MỘT SỐ KHU VỰC CỦA CHÂU Á NĂM 2019

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Đông Á** | **Nam Á** | **Đông Nam Á** | **Tây Nam Á** |
| Diện tích *(nghìn km2)* | 11762 | 4489 | 4495 | 7016 |
| Số dân *(triệu người)* | 1650 | 1875 | 650 | 289 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo bảng số liệu, khu vực nào sau đây có mật độ dân số cao nhất?

 **A.** Tây Nam Á. **B.** Đông Nam Á. **C.** Nam Á. **D.** Đông Á.

**Câu 64.** Nước ta thuận lợi giao lưu với các nước trên thế giới là do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Có nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hóa.

 **B.** Ở nơi giao thoa giữa các nền văn minh lớn.

 **C.** Nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế.

 **D.** Nằm trong vùng nội chí tuyến Bán cầu Bắc.

**Câu 65.** Ở nước ta, sông ngòi nhiều nước chủ yếu do

 **A.** mưa lớn, phần lớn lưu vực nằm ngoài lãnh thổ.

 **B.** nước ngầm phong phú, nhiều hệ thống sông lớn.

 **C.** khí hậu phân mùa rõ rệt, lãnh thổ hẹp ngang.

 **D.** quá trình xâm thực và bồi tụ diễn ra mạnh.

**Câu 66.** Dải đồi trung du của nước ta phân bố rộng nhất ở

 **A.** thượng nguồn sông chảy đến trung tâm vùng núi Đông Bắc.

 **B.** rìa phía bắc và phía tây Đồng bằng sông Hồng.

 **C.** biên giới Việt - Trung đến khuỷu sông Đà.

 **D.** rìa đồng bằng ven biển miền Trung.

**Câu 67.** Lợi thế chủ yếu của cơ cấu dân số vàng ở nước ta là

 **A.** số người trong độ tuổi sinh đẻ nhiều. **B.** tuổi thọ trung bình ngày càng tăng.

 **C.** lao động có trình độ cao. **D.** nguồn lao động dồi dào.

**Câu 68.** Hiện nay, diện tích rừng ngập mặn nước ta bị suy giảm chủ yếu do

 **A.** ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu. **B.** đẩy mạnh du lịch sinh thái, ít trồng rừng.

 **C.** chuyển đổi nuôi tôm cá, cháy rừng. **D.** nước biển dâng, mở rộng diện tích đất thổ cư.

**Câu 69.** Cho biểu đồ:



GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ MA-LAI-XI-A NĂM 2010 VÀ 2018

*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây là đúng về sự thay đổi giá trị xuất khẩu năm 2018 so với năm 2010 của In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a?

 **A.** Ma-lai-xi-a tăng và In-đô-nê-xi-a giảm. **B.** Ma-lai-xi-a tăng gấp hai lần In-đô-nê-xi-a.

 **C.** In-đô-nê-xi-a tăng ít hơn Ma-lai-xi-a. **D.** In-đô-nê-xi-a tăng nhanh hơn Ma-lai-xi-a.

**Câu 70.** Khí hậu của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta có đặc điểm

 **A.** rất lạnh, mùa đông nhiệt độ dưới 50C. **B.** quanh năm nóng, nhiệt độ trên 250C.

 **C.** mùa hạ nóng, độ ẩm thay đổi tùy nơi. **D.** mát mẻ, mưa nhiều, độ ẩm tăng.

**Câu 71.** Ở vùng ven biển miền Trung nước ta, đất đai bị hoang mạc hóa chủ yếu do

 **A.** hiện tượng cát bay, cát chảy lấn chiếm ruộng vườn, làng mạc.

 **B.** mùa khô kéo dài, nước mặn xâm nhập sâu vào trong đồng bằng.

 **C.** vào mùa mưa thường xuyên bị ngập nước trên diện rộng.

 **D.** khai thác lâu đời và không được bồi đắp phù sa hàng năm.

**Câu 72.** Sự hình thành gió phơn Tây Nam ở đồng bằng ven biển miền Trung nước ta là do tác động kết hợp của

 **A.** gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến và dãy Trường Sơn.

 **B.** lãnh thổ hẹp ngang và hoạt động của gió vào mùa hạ.

 **C.** gió mùa tây nam từ bán cầu Nam và dãy Trường Sơn.

 **D.** địa hình núi kéo dài ở phía Tây và Tín phong bán cầu Bắc.

**Câu 73.** Cho biểu đồ về tình hình sinh và tử của nước ta giai đoạn 1999-2019

*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Cơ cấu tỷ suất sinh và tỷ suất tử. **B.** Chuyển dịch cơ cấu tỷ suất sinh và tỷ suất tử.

**C.** Tỷ suất sinh và tỷ suất tử. **D.** Tốc độ tăng trưởng tỷ suất sinh và tỷ suất tử.

**Câu 74.** Giải pháp chủ yếu để thúc đẩy sản xuất lương thực theo hướng hàng hóa ở nước ta hiện nay là

**A.** áp dụng kĩ thuật, xây dựng thương hiệu.

**B.** phòng chống sâu bệnh, lai tạo giống tốt.

**C.** đẩy mạnh thâm canh, mở rộng diện tích.

**D.** phát triển thủy lợi, đẩy mạnh xuất khẩu.

**Câu 75.** Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến sự đa dạng của đối tượng thủy sản nuôi trồng ở nước ta hiện nay? \*

**A.** Yêu cầu nâng cao chất lượng sản phẩm.

**B.** Diện tích mặt nước được mở rộng thêm.

**C.** Nhu cầu khác nhau của các thị trường.

**D.** Điều kiện nuôi khác nhau ở các cơ sở.

**Câu 76.** Cho bảng số liệu:

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DÂN SỐ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000-2019

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số dân***(Triệu người)* | **Số dân thành thị***(Triệu người)* | **Tốc độ tăng dân số***(%)* |
| 2000 | 77,6 | 18,7 | 1,36 |
| 2005 | 82,4 | 22,3 | 1,33 |
| 2007 | 84,3 | 23,8 | 1,16 |
| 2010 | 86,9 | 26,6 | 1,03 |
| 2019 | 96,2 | 33,1 | 0,90 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Để thể hiện tình hình phát triển dân số của nước ta giai đoạn 2000-2019, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

**A.** Kết hợp. **B.** Miền. **C.** Cột. **D.** Đường.

**Câu 77.** Ý nghĩa lớn nhất của việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp gắn với công nghiệp chế biến ở nước ta là

**A.** khai thác tốt tiềm năng đất đai, khí hậu mỗi vùng.

**B.** giải quyết việc làm, nâng cao đời sống người dân.

**C.** tạo thêm nhiều sản phẩm hàng hóa có giá trị cao.

**D.** thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành.

**Câu 78.** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là \*

**A.** góp phần đa dạng cơ cấu kinh tế, thu hút vốn đầu tư.

**B.** tạo sản phẩm hàng hóa, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**C.** cung cấp nguyên nhiên liệu, hạn chế tình trạng du cư.

**D.** khai thác tiềm năng sẵn có, giải quyết các vấn đề xã hội.

**Câu 79.** Phần lãnh thổ phía Nam nước ta **không** có mùa đông lạnh chủ yếu do

**A.** Tín phong thống trị, gió mùa Đông Bắc ít ảnh hưởng.

**B.** vị trí giáp Biển Đông, gió mùa Đông Bắc hoạt động yếu.

**C.** lượng bức xạ mặt trời lớn, gió mùa Đông Bắc biến tính.

**D.** vị trí gần xích đạo, nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn.

**Câu 80.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ý nghĩa của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Tạo động lực cho vùng phát triển công nghiệp khai thác.

**B.** Góp phần giảm thiểu lũ lụt cho Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Làm thay đổi đời sống của đồng bào dân tộc ít người.

**D.** Tạo việc làm tại chỗ cho người lao động ở địa phương.